TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **222**/2023/HNGĐ-ST Ngày: 01-3-2023 V/v tranh chấp ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

2. Ông Nguyễn Thành Thông.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 01 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 650/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 880/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1974.
Địa chỉ: 66/444D Đường C, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: 74/6/33 Đường A, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Thanh S, sinh năm 1963.
Quốc tịch: Ô-xtrây-li-a (Australian).
Địa chỉ: 149 X, Y 2200, Australia.

Các đương sự đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Thanh S tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí ngày 26/5/2017, giấy chứng nhận kết hôn số 119.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Về sau phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về phong tục, quan điểm, lối sống. Hiện

ông Phạm Thanh S đang sinh sống và làm việc tại Australia (Úc), bà D vẫn ở Việt Nam nên tình cảm ngày càng xa cách. Bà D và ông S đã nhiều lần liên lạc nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phương đề nghị được ly hôn với ông Phạm Thanh S.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Vì bận việc, bà yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại Bản tự khai đã được chứng thực của Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Sydney, Australia ngày 10/01/2023, bị đơn ông Phạm Thanh S xác nhận lời trình bày của bà Trần Thị Ngọc D về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung là đúng. Nay bà Trần Thị Ngọc D xin ly hôn, ông đồng ý được ly hôn với bà D. Do điều kiện đi lại có nhiều khó khăn, ông yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị Ngọc D và ông Phạm Thanh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 119 ngày 26/5/2017 nên có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà D và ông S là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn hiện đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh; Bị đơn hiện cư trú tại Australia (Úc) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của bà Trần Thị Ngọc D được ly hôn ông Phạm Thanh S, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do các bên không tìm được tiếng nói chung, bất đồng về ngôn ngữ, phong tục, quan điểm, lối sống. Từ khi kết hôn cho đến nay, bà D và ông S không có quá trình chung sống lâu dài nên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện bà D và ông S đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc. Do đó, bà Trần Thị Ngọc D yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Thanh S là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Trần Thị Ngọc D và ông Phạm Thanh S khai không có.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Ngọc D phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Ngọc D và ông Phạm Thanh S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 3; khoản 1 Điều 37; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Ngọc D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc D được ly hôn ông Phạm Thanh S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 119 do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/5/2017 cho bà Trần Thị Ngọc D và ông Phạm Thanh S không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) do bà Trần Thị Ngọc D chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) mà bà D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0003645 ngày 07/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Ngọc D đã nộp đủ tiền án phí.

3. Bà Trần Thị Ngọc D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Ông Phạm Thanh S được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.(Linh/14 b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thủy Tiên